

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

Số 11 phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình
Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (gọi tắt là "Tập đoàn") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã điều hành Tập đoàn trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Ông Dương Quang Thành	Chủ tịch Hội đồng Thành viên
Ông Trần Đình Nhân	Thành viên Hội đồng Thành viên (bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2018)
Ông Đặng Hoàng An	Thành viên Hội đồng Thành viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018)
Ông Mai Quốc Hội	Thành viên Hội đồng Thành viên
Ông Phạm Mạnh Thắng	Thành viên Hội đồng Thành viên
Ông Đặng Huy Cường	Thành viên Hội đồng Thành viên (bổ nhiệm ngày 03 tháng 01 năm 2018)
Ông Đào Hiếu	Thành viên Hội đồng Thành viên (nghỉ hưu ngày 01 tháng 4 năm 2019)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Trần Đình Nhân	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2018)
Ông Đặng Hoàng An	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018)
Ông Đinh Quang Tri	Phó Tổng Giám đốc (thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Tổng Giám đốc từ ngày 16 tháng 5 năm 2018 đến ngày 28 tháng 12 năm 2018)
Ông Võ Quang Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tài Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Sơn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Nam	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2018)
Ông Nguyễn Cường Lâm	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu ngày 01 tháng 8 năm 2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được lập trên cơ sở các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và đã được Bộ Tài chính phê duyệt tại Công văn số 12227/BTC-CDKT ngày 03 tháng 9 năm 2015 về việc trả lời Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

2500.

IG TY
EM HUU
OITT
NAI
- TP.

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

Số 11 phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình
Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được lập trên cơ sở các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Đình Nhân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2019



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc - Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 03 tháng 4 năm 2019, từ trang 6 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được lập trên cơ sở các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và đã được Bộ Tài chính phê duyệt tại Công văn số 12227/BTC-CĐKT ngày 03 tháng 9 năm 2015 về việc trả lời Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 (PECC1 - Công ty con của Tập đoàn) được hợp nhất toàn bộ vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về số liệu báo cáo tài chính của PECC1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 vì giới hạn về phạm vi kiểm toán và chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán bổ sung đối với báo cáo tài chính của PECC1. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu trong đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được lập trên cơ sở các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính hợp nhất đến các vấn đề sau đây:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt chính thức Báo cáo quyết toán cổ phần hóa của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần (Công ty con của Tập đoàn) tại thời điểm công ty con này chính thức chuyển thành công ty cổ phần.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có một số khoản công nợ tiềm tàng như trình bày tại Thuyết minh số 31 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công văn số 2239/VPCP-KTTH ngày 04 tháng 4 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ về việc chấp thuận Công văn số 3003/BTC-TCDN của Bộ Tài chính ngày 08 tháng 3 năm 2016; Công văn số 122/BTC-TCDN ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về việc chấp thuận Công văn số 1113/BTC-TCDN của Bộ Tài chính ngày 23 tháng 01 năm 2017 về xử lý chênh lệch tỷ giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm 2015 và 2016.

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 150/2018/NQ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 12 năm 2018 ("Nghị quyết 150"), chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần được ghi nhận vào chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong phần "Vốn chủ sở hữu" và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình này đi vào hoạt động thương mại.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.



Trần Thị Thủy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0031-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 03 tháng 4 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Tuấn Linh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3001-2019-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		127.411.361.539.839	105.285.342.980.490
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	50.205.260.612.899	45.704.037.211.164
1. Tiền	111		34.433.246.264.456	32.498.626.153.762
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.772.014.348.443	13.205.411.057.402
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	39.451.559.719.150	17.915.969.118.251
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		39.451.559.719.150	17.915.969.118.251
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.408.927.627.136	17.214.019.065.530
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		3.854.554.076.111	3.194.743.921.143
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	3.314.802.066.926	6.240.072.764.881
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134		200.732.428	294.645.981
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		8.477.679.912.107	8.075.374.773.161
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(355.621.393.369)	(306.293.705.876)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	7	117.312.232.933	9.826.666.240
IV. Hàng tồn kho	140	8	17.030.292.467.172	17.772.218.235.713
1. Hàng tồn kho	141		17.175.594.514.256	17.931.497.914.370
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(145.302.047.084)	(159.279.678.657)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.315.321.113.482	6.679.099.349.832
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		154.070.231.143	192.598.055.803
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.818.510.512.336	4.760.706.712.035
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	9	1.342.740.370.003	1.725.794.581.994

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		579.092.913.482.374	596.294.828.198.401
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		874.119.848.728	1.335.050.784.792
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1.689.581.121	1.828.192.121
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		2.301.065.426	222.891.880.298
3. Phải thu dài hạn khác	216	10	870.147.770.343	1.112.835.275.173
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(18.568.162)	(2.504.562.800)
II. Tài sản cố định	220		499.584.965.022.484	493.942.715.102.167
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	497.874.685.901.559	492.204.022.055.906
- Nguyên giá	222		1.080.451.592.947.314	1.004.309.028.282.405
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(582.576.907.045.755)	(512.105.006.226.499)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		89.950.393.945	107.697.656.041
- Nguyên giá	225		180.255.605.383	180.255.605.383
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(90.305.211.438)	(72.557.949.342)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	1.620.328.726.980	1.630.995.390.220
- Nguyên giá	228		2.535.514.107.550	2.330.674.833.313
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(915.185.380.570)	(699.679.443.093)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		65.214.468.302.702	88.440.292.894.749
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	65.214.468.302.702	88.440.292.894.749
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.547.953.690.538	5.507.956.416.285
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.733.124.900.760	4.759.190.218.507
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	740.843.789.778	722.821.197.778
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5	73.985.000.000	25.945.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.871.406.617.922	7.068.813.000.408
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	5.492.849.930.029	5.325.303.470.154
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		269.025.306.501	255.334.115.586
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.109.531.381.392	1.488.175.414.668
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		706.504.275.022.213	701.580.171.178.891

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAMSố 11 phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình
Hà Nội, Việt Nam**MẪU SỐ B 01-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		489.058.178.622.042	489.131.236.200.866
I. Nợ ngắn hạn	310		121.623.325.474.406	115.557.149.124.907
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	42.015.198.206.725	50.268.555.412.193
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		578.959.910.487	559.663.000.182
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	2.844.914.344.112	2.436.134.600.000
4. Phải trả người lao động	314		7.203.097.209.421	6.702.370.946.624
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	14.221.630.374.085	7.118.346.090.840
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		41.042.205.397	38.645.449.510
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	3.289.118.509.507	4.733.730.330.998
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	45.069.767.640.120	38.026.587.442.172
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		167.838.261.274	133.526.042.773
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	6.191.758.813.278	5.539.589.809.615
II. Nợ dài hạn	330		367.434.853.147.636	373.574.087.075.959
1. Phải trả người bán dài hạn	331	15	2.258.179.168.955	1.978.916.710.654
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		121.956.574.600	13.607.360.000
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		15.281.982.620	12.403.026.030
4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		381.931.335.790	396.534.519.456
5. Phải trả dài hạn khác	337	18	3.929.021.204.566	4.245.865.159.518
6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	360.007.500.513.534	366.417.924.747.248
7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		5.150.322.574	6.367.560.338
8. Dự phòng phải trả dài hạn	342		223.466.231.095	162.720.251.222
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		492.365.813.902	339.747.741.493
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		217.446.096.400.171	212.448.934.978.025
I. Vốn chủ sở hữu	410		217.477.862.609.461	212.464.746.621.944
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	194.088.325.007.272	189.819.353.249.394
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411a		194.088.325.007.272	189.819.353.249.394
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		100.219.981.583	100.290.731.298
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		41.982.386.920	22.910.194.895
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		8.836.161.000	8.836.161.000
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	22	(4.256.594.897.096)	(4.951.847.451.103)
6. Quỹ đầu tư phát triển	418	23	4.286.592.430.372	3.712.457.010.295
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		35.423.659.868	36.784.687.024
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24	4.846.509.216.919	5.445.207.305.930
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.341.458.979.289	3.154.358.207.266
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.505.050.237.630	2.290.849.098.664
9. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	25	9.726.711.983.887	10.270.438.795.688
10. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	26	8.599.856.678.736	8.000.315.937.523

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

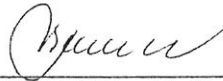
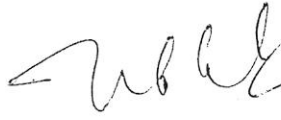
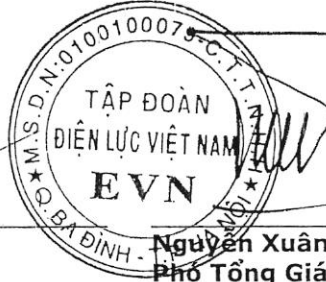
10 - C
TY
HỮU HỮU
ITE
AM
P. H

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAMSố 11 phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình
Hà Nội, Việt Nam**MẪU SỐ B 01-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(31.766.209.290)	(15.811.643.919)
1. Nguồn kinh phí	431		(33.791.536.360)	(19.095.251.474)
2. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432		2.025.327.070	3.283.607.555
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		706.504.275.022.213	701.580.171.178.891


Trần Thị Thu Hoài
Người lập biểu

Võ Hồng Linh
Kế toán trưởngNguyễn Xuân Nam
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 4 năm 2019



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAMSố 11 phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình
Hà Nội, Việt Nam**MẪU SỐ B 02-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	338.500.562.357.899	294.847.705.081.940
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		296.581.759	707.759.611
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		338.500.265.776.140	294.846.997.322.329
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		285.341.477.563.922	250.742.125.474.832
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		53.158.788.212.218	44.104.871.847.497
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	3.663.416.855.876	3.823.893.843.928
7. Chi phí tài chính	22	29	29.054.904.639.922	22.258.971.445.718
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		569.873.236.255	699.185.554.566
9. Chi phí bán hàng	25		6.711.690.428.182	6.525.794.638.785
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		13.301.134.136.226	12.068.204.218.768
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		8.324.349.100.019	7.774.980.942.720
12. Thu nhập khác	31		1.183.551.654.790	674.901.823.203
13. Chi phí khác	32		431.857.814.206	305.254.212.487
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		751.693.840.584	369.647.610.716
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9.076.042.940.603	8.144.628.553.436
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.308.965.502.028	1.559.780.881.725
17. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(50.683.563.222)	(8.626.141.098)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		6.817.761.001.797	6.593.473.812.809
18.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		5.582.210.960.466	5.109.177.584.240
18.2. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		1.235.550.041.331	1.484.296.228.569

Hoàng Hữu Đồng
Người lập biểu**Võ Hồng Lĩnh**
Kế toán trưởng**Nguyễn Xuân Nam**
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 03 tháng 4 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAMSố 11 phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình
Hà Nội, Việt Nam**MẪU SỐ B 03-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.076.042.940.603	8.144.628.553.436
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	74.491.480.006.736	72.658.930.104.714
- Các khoản dự phòng	03	127.922.259.656	(65.781.116.502)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	7.707.611.146.307	2.611.555.323.622
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.739.694.491.819)	(2.537.910.364.987)
- Chi phí lãi vay	06	18.986.987.931.369	17.605.197.416.163
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	107.650.349.792.852	98.416.619.916.446
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.856.964.386.095	961.665.570.586
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	335.864.400.226	(2.494.402.621.624)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	8.708.288.102.804	(3.325.232.821.947)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	126.242.400.685	(1.195.259.149.562)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(18.888.352.543.098)	(17.745.208.489.700)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.811.983.561.700)	(1.964.666.437.261)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.446.458.060.069)	(2.457.310.601.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	96.530.914.917.795	70.196.205.365.738
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(63.550.735.307.330)	(74.016.256.476.869)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	183.121.253.287	193.159.395.067
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(39.525.544.719.150)	(17.941.914.118.251)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	17.941.914.118.251	18.689.872.925.351
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	146.241.361.818	238.825.992.502
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.261.573.423.636	1.825.408.275.594
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(82.543.429.869.488)	(71.010.904.006.606)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	474.555.467.717	112.337.767.870
2. Tiền thu từ đi vay	33	55.750.937.330.875	51.965.599.249.961
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(64.055.358.317.457)	(45.891.286.395.974)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.661.506.504.679)	(1.183.040.177.357)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.491.372.023.544)	5.003.610.444.500
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	4.496.113.024.763	4.188.911.803.632

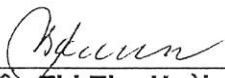
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	45.704.037.211.164	41.513.150.489.991
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5.110.376.972	1.974.917.541
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	50.205.260.612.899	45.704.037.211.164


Trần Thị Thu Hoài
Người lập biểu


Võ Hồng Lĩnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Nam
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 03 tháng 4 năm 2019

Tập đoàn Điện lực Việt nam

Địa chỉ: 18 Trần Nguyễn Hãn – Hà nội

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT TOÀN TẬP ĐOÀN)

Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất kinh doanh bán điện và một số lĩnh vực khác
3. **Ngành nghề kinh doanh :** Các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tập đoàn là :
 - Sản xuất, điều độ, mua, bán buôn điện năng ;
 - Xuất nhập khẩu điện năng
 - Đầu tư và quản lý vốn đầu tư các dự án điện
 - Xuất nhập khẩu nhiên liệu, nguyên vật liệu, vật tư thiết bị ngành điện
 - Đầu tư tài chính và kinh doanh vốn
 - Hợp tác đào tạo lao động với nước ngoài
 - Đào tạo nguồn nhân lực
 - Các ngành, nghề khác theo quy định của pháp luật
4. **Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tập đoàn có các công ty con như sau:

- Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia
- Tổng công ty phát điện 1
- Tổng công ty phát điện 2
- Tổng công ty phát điện 3- Công ty cổ phần
- Tổng công ty điện lực miền Bắc
- Tổng công ty điện lực miền Trung
- Tổng công ty điện lực miền Nam
- Tổng công ty điện lực TP Hà Nội
- Tổng công ty điện lực TP Hồ Chí Minh
- Công ty CP tư vấn xây dựng điện 1
- Công ty CP tư vấn xây dựng điện 2
- Công ty CP tư vấn xây dựng điện 4
- Công ty cổ phần phong điện Thuận Bình
- Công ty CP nhiệt điện Quảng Ninh
- Công ty CP thủy điện Buôn Đôn
- Công ty CP EVN quốc tế
- Công ty CP Cơ điện Điện lực Đồng Nai

Tập đoàn có các công ty liên kết như sau:

- Công ty CP tư vấn xây dựng điện 3
- Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hinh
- Công ty CP chế tạo thiết bị điện Đông Anh
- Công ty CP phát triển điện lực Việt Nam
- Công ty CP đầu tư và phát triển Sê san 3 A
- Công ty CP thủy điện Thác Bà
- Công ty CP năng lượng Vĩnh Tân 3
- Công ty CP thủy điện Bình Định
- Công ty CP đầu tư và phát triển điện miền Trung
- Công ty cổ phần Sông Ba
- Công ty CP bê tông ly tâm Khánh Hòa
- Công ty CP tư vấn xây dựng điện lực Hà Nội
- Công ty TNHH liên doanh SX thiết bị điện miền Bắc
- Công ty CP xây lắp điện Hải Phòng
- Công ty CP thủy điện miền Nam
- Công ty CP đầu tư kinh doanh điện lực TP HCM
- Công ty CP thủy điện Nậm Đông 4
- Công ty CP tư vấn thiết kế và xây lắp điện
- Công ty CP thủy điện Nậm Múc
- Công ty CP Phú Thạnh Mỹ
- Công ty CP thủy điện miền Trung
- Công ty CP đầu tư khai thác hồ thủy điện Thác Mơ
- Công ty CP điện Sơn Giang
- Công ty CP năng lượng tái tạo Sơn Mỹ